

BÁO CÁO

Kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính kế toán năm 2022

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 16/01/2023 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang, về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2022

Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra của Tổ kiểm tra.

Sở Tài chính báo cáo kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính, kế toán năm 2022 như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực tài chính; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, phương án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt. Tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra; thực hiện thanh tra tài chính, thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính.

Ngay từ đầu năm Sở đã tổ chức Hội nghị công chức triển khai quán triệt quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công năm 2022, công khai dự toán kinh phí được giao năm 2022, kế hoạch chi, dự kiến số tiết kiệm chi năm 2022,...cho toàn thể công chức và người lao động quán triệt thực hiện.

Đối với các nguồn kinh phí không giao tự chủ, căn cứ quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, Sở thông báo công khai từng nội dung, kinh phí cho từng phòng chuyên môn, đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết để Ban Giám đốc Sở phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA

1. Kết quả kiểm tra

1.1. Kiểm tra việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

Đơn vị thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

Đơn vị xây dựng nội dung quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động thực tế của đơn vị, rõ ràng từng nội dung. Các tài liệu có liên quan như: biên bản hội nghị công chức thông qua dự thảo quy chế, quy chế được công khai toàn đơn vị, gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ để kiểm soát chi.

1.2. Kiểm tra việc lập, giao dự toán năm 2022

Qua kiểm tra việc lập, giao dự toán thu - chi năm 2022, nhận thấy dự toán thu - chi ngân sách nhà nước giao cho đơn vị thực hiện đúng quy định trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước. Đơn vị thanh quyết toán kinh phí sử dụng theo dự toán được giao, đối chiếu, thanh toán với kho bạc đúng theo quy định.

1.3. Kiểm tra việc thực hiện sử dụng kinh phí năm 2022 (*Chi tiết từng nguồn kinh phí tại phụ lục 01*).

a) Kinh phí quản lý hành chính tự chủ (Nguồn 13)

Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 11.554.056.369 đồng, trong đó: (năm trước chuyển sang: 7.309.369 đồng; Dự toán giao đầu năm: 10.935.000.000 đồng; Kinh phí bổ sung trong năm: 611.747.000 đồng); Tổng chi: 11.481.955.707 đồng; Tồn đến cuối năm: 72.100.662 đồng (chuyển sang năm 2023 sử dụng).

Qua kiểm tra các khoản chi thanh toán, đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định. Tuy nhiên còn có một chứng từ chưa đầy đủ so với quy chế chi tiêu nội bộ quy định như: một số công lệnh còn chưa thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thiếu dấu tên của lãnh đạo trên phiếu đề nghị mua sắm thiết bị sửa chữa.

b) Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Nguồn 14)

Năm trước chuyển sang: 3.340.590 đồng; Dự toán giao đầu năm: 0 đồng; Kinh phí thu hồi trong năm: 3.340.590 đồng. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị thực hiện đúng chế độ quy định của Nhà nước.

c) Kinh phí không tự chủ (Nguồn 12)

Tổng kinh phí được sử dụng: 40.817.731.928 đồng, trong đó: (năm trước chuyển sang: 5.787.154.044 đồng; Dự toán giao đầu năm: 4.430.000.000 đồng; Kinh phí bổ sung trong năm: 30.600.577.884 đồng); Tổng chi: 22.882.832.038 đồng; Tồn cuối năm: 17.934.899.890 đồng. Bao gồm:

- Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ (Hủy dự toán): 63.195.939 đồng.

- Kinh phí sự nghiệp 14.949.055.820 đồng (Hủy dự toán 14.843.402.430 đồng; chuyển sang năm sau 105.653.390 đồng)

- Kinh phí dự án tin học 2.865.779.723 đồng (Hủy dự toán 110.925.944 đồng; chuyển sang năm sau 2.754.853.779 đồng)

- Hủy dự toán kinh phí đào tạo 54.000.000 đồng; Kinh phí ISO 2.868.408 đồng.

c) Kinh phí không tự chủ (Nguồn 15)

Tổng kinh phí được giao trong năm: 1.720.506.939 đồng; Tổng chi: 849.150.000 đồng; Tồn cuối năm: 871.356.939 đồng (Số đề nghị chuyển nguồn sang năm 2023: 568.506.939 đồng, hủy dự toán: 302.850.000 đồng).

Qua kiểm tra các khoản chi thanh toán đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định.

d) Các khoản khác (Các tài khoản tiền gửi)

Tổng kinh phí được sử dụng: 15.879.908.751 đồng, trong đó: (năm trước chuyển sang: 11.560.302.688 đồng; Thu trong năm: 4.319.606.063 đồng); Tổng chi: 6.299.323.397 đồng; Tồn cuối năm: 9.580.585.354 đồng (Chuyển sang năm 2023 sử dụng).

Qua kiểm tra các khoản chi thanh toán đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định. Tuy nhiên, còn một số chứng từ nguồn chi phí quyết toán còn thiếu dấu tên của lãnh đạo ký duyệt.

e) Đánh giá việc tiết kiệm chi

Trong năm 2022, ngoài kinh phí đảm bảo cho đơn vị hoạt động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đơn vị còn tiết kiệm được để chi thu nhập tăng thêm cho công chức và người lao động.

1.4. Kiểm tra thu nộp thuế thu nhập cá nhân năm 2022 (Tính đến hết Quý III/2022)

Qua kiểm tra việc nộp thuế thu nhập cá nhân đơn vị có theo dõi, kê khai đầy đủ đúng quy định.

1.5. Quản lý, sử dụng tài sản cố định năm 2022

Qua tự kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản nhận thấy đơn vị có xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước, có mở sổ sách theo dõi tăng giảm tài sản, có thực hiện kiểm kê tài sản hàng năm.

2. Nhận xét

a. Ưu điểm

- Đơn vị thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định ban hành tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, quản lý chương trình trên máy vi tính.

- Về sổ sách, chứng từ kế toán đầy đủ và báo cáo quyết toán tài chính đúng thời gian quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng quy định của Nhà nước.

- Kinh phí ngân sách cấp đơn vị thực hiện đúng theo dự toán được giao.

- Thực hiện công khai tài chính theo quy định.

- Thực hiện chi kinh phí phê duyệt quyết toán đơn vị lập đầy đủ thủ tục, thanh quyết toán với kho bạc đúng theo quy định.

b. Nhược điểm

- Kinh phí quản lý hành chính tự chủ: một số công lệnh còn chưa thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thiếu dấu tên của lãnh đạo trên phiếu đề nghị mua sắm.

- Kinh phí khác: một số chứng từ nguồn chi phí quyết toán còn thiếu dấu tên của lãnh đạo ký duyệt.

3. Phương hướng khắc phục

- Kế toán kiểm tra lại, bổ sung đầy đủ nội dung trên công lệnh công tác.

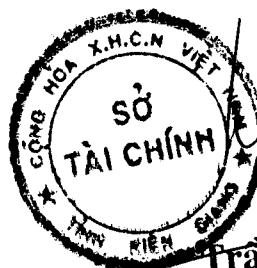
- Bổ sung dấu tên của lãnh đạo ký duyệt.

Trên đây là báo cáo tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2022 của Sở Tài chính. *Uanhke*

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Lãnh đạo các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Khoa

BÁO CÁO

Về việc tự kiểm tra tài chính kế toán năm 2022

Thực hiện Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 16/01/2023 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang, về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2022. Nội dung kiểm tra tình hình quyết toán, công khai tài chính, thực hiện các chế độ tài chính kế toán của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang năm 2022.

Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 10/02/2023 Tổ kiểm tra đã tiến hành tự kiểm tra tại Văn phòng Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang.

Thời điểm kiểm tra: Niên độ năm 2022.

1. Kết quả kiểm tra

1.1. Kiểm tra việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

Đơn vị thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

Đơn vị xây dựng nội dung quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động thực tế của đơn vị, rõ ràng từng nội dung. Các tài liệu có liên quan như: biên bản hội nghị công chức thông qua dự thảo quy chế, quy chế được công khai toàn đơn vị, gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ để kiểm soát chi.

1.2. Kiểm tra việc lập, giao dự toán năm 2022

Qua kiểm tra việc lập, giao dự toán thu - chi năm 2022, nhận thấy dự toán thu - chi ngân sách nhà nước giao cho đơn vị thực hiện đúng quy định trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước. Đơn vị thanh quyết toán kinh phí sử dụng theo dự toán được giao, đối chiếu, thanh toán với kho bạc đúng theo quy định.

1.3. Kiểm tra việc thực hiện sử dụng kinh phí năm 2022 (Chi tiết từng nguồn kinh phí tại phụ lục 01; phụ lục 03).

a) Kinh phí quản lý hành chính tự chủ (Nguồn 13)

Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 11.554.056.369 đồng, trong đó: (năm trước chuyển sang: 7.309.369 đồng; Dự toán giao đầu năm: 10.935.000.000 đồng; Kinh phí bổ sung trong năm: 611.747.000 đồng); Tổng chi: 11.481.955.707 đồng; Tồn đến cuối năm: 72.100.662 đồng (chuyển sang năm 2023 sử dụng).

Qua kiểm tra các khoản chi thanh toán, đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định. Tuy nhiên còn có một chứng từ chưa đầy đủ so với quy chế chi tiêu

nội bộ quy định như: một số công lệnh còn chưa thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thiếu dấu tên của lãnh đạo trên phiếu đề nghị mua sắm thiết bị sửa chữa.

b) Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)

Năm trước chuyển sang: 3.340.590 đồng; Dự toán giao đầu năm: 0 đồng; Kinh phí thu hồi trong năm: 3.340.590 đồng. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị thực hiện đúng chế độ quy định của Nhà nước.

c) Kinh phí không tự chủ (Nguồn 12)

Tổng kinh phí được sử dụng: 40.817.731.928 đồng, trong đó: (năm trước chuyển sang: 5.787.154.044 đồng; Dự toán giao đầu năm: 4.430.000.000 đồng; Kinh phí bổ sung trong năm: 30.600.577.884 đồng); Tổng chi: 22.882.832.038 đồng; Tồn cuối năm: 17.934.899.890 đồng. Bao gồm:

- Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ (Hủy dự toán): 63.195.939 đồng.
- Kinh phí sự nghiệp 14.949.055.820 đồng (Hủy dự toán 14.843.402.430 đồng; chuyển sang năm sau 105.653.390 đồng)
- Kinh phí dự án tin học 2.865.779.723 đồng (Hủy dự toán 110.925.944 đồng; chuyển sang năm sau 2.754.853.779 đồng)
- Hủy dự toán kinh phí đào tạo 54.000.000 đồng; Kinh phí ISO 2.868.408 đồng.

Qua kiểm tra các khoản chi thanh toán đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định.

d) Kinh phí không tự chủ (Nguồn 15)

Tổng kinh phí được giao trong năm: 1.720.506.939 đồng; Tổng chi: 849.150.000 đồng; Tồn cuối năm: 871.356.939 đồng (Số đề nghị chuyển nguồn sang năm 2023: 568.506.939 đồng, hủy dự toán: 302.850.000 đồng).

Qua kiểm tra các khoản chi thanh toán đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định.

e) Các khoản khác (Các tài khoản tiền gửi)

Tổng kinh phí được sử dụng: 15.879.908.751 đồng, trong đó: (năm trước chuyển sang: 11.560.302.688 đồng; Thu trong năm: 4.319.606.063 đồng); Tổng chi: 6.299.323.397 đồng; Tồn cuối năm: 9.580.585.354 đồng (Chuyển sang năm 2023 sử dụng).

Qua kiểm tra các khoản chi thanh toán đơn vị thực hiện chi đúng theo quy định. Đối với nguồn chi phí quyết toán, bổ sung dấu tên của lãnh đạo ký duyệt.

f) Đánh giá việc tiết kiệm chi

Trong năm 2022, ngoài kinh phí đảm bảo cho đơn vị hoạt động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đơn vị còn tiết kiệm được để chi thu nhập tăng thêm cho công chức và người lao động.

1.5. Kiểm tra thu nộp thuế thu nhập cá nhân năm 2022 (Tính đến hết Quý III/2022)

Qua kiểm tra việc nộp thuế thu nhập cá nhân đơn vị có theo dõi, kê khai đầy đủ đúng quy định.

1.6. Quản lý, sử dụng tài sản cố định năm 2022

Qua tự kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản nhận thấy đơn vị có xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước, có mở sổ sách theo dõi tăng giảm tài sản, có thực hiện kiểm kê tài sản hàng năm.

2. Nhận xét

Ưu điểm

- Đơn vị thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định ban hành tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, quản lý chương trình trên máy vi tính.
- Về sổ sách, chứng từ kế toán đầy đủ.
- Kinh phí ngân sách cấp đơn vị thực hiện đúng theo dự toán được giao.
- Thực hiện công khai tài chính theo quy định.
- Năm 2022 đơn vị thực hiện chi kinh phí phê duyệt quyết toán đơn vị lập đầy đủ hồ sơ thủ tục, thanh quyết toán với kho bạc đúng theo quy định.

Nhược điểm

- Kinh phí quản lý hành chính tự chủ: một số công lệnh còn chưa thể hiện đầy đủ nội dung công việc, thiếu dấu tên của lãnh đạo trên phiếu đề nghị mua sắm.
- Kinh phí khác: một số chứng từ nguồn chi phí quyết toán còn thiếu dấu tên của lãnh đạo ký duyệt.

Kiến nghị

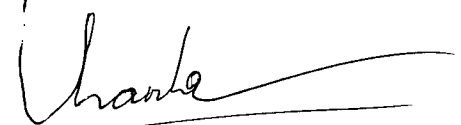
- Kế toán kiểm tra lại, bổ sung đầy đủ nội dung trên công lệnh công tác.
- Bổ sung dấu tên của lãnh đạo ký duyệt.

Trên đây là báo cáo tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2022 tại Văn phòng Sở Tài chính. Tổ kiểm tra báo cáo Ban Giám đốc Sở./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các thành viên;
- Lưu Tổ kiểm tra.

TỔ TRƯỞNG



Lâm Thanh Nhã

SỞ TÀI CHÍNH KIÊN GIANG
TỔ KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2023

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN KINH PHÍ CỦA SỞ TÀI CHÍNH KIÊN GIANG
NĂM 2022

Phụ lục số: 01
Đơn vị tính: Đồng

ST T	NỘI DUNG	MÃ NGUỒN	SỐ LIỆU ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5	6=5-4
I	SỐ DƯ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		17.358.106.691	17.358.106.691	0
1	Kinh phí ngân sách cấp		5.797.804.003	5.797.804.003	0
1.1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	13	7.309.369	7.309.369	0
1.2	Cải cách tiền lương	14	3.340.590	3.340.590	0
1.3	Kinh phí không tự chủ		5.787.154.044	5.787.154.044	0
	Nguồn 12	12	5.787.154.044	5.787.154.044	0
	Kinh phí quản lý không tự chủ				0
	Kinh phí sự nghiệp				0
	Kinh phí Công nghệ thông tin		5.787.154.044	5.787.154.044	0
	Kinh phí đào tạo				0
2	Các khoản khác		11.560.302.688	11.560.302.688	0
	Kinh phí thẩm tra quyết toán đầu tư XD CB		10.755.618.611	10.755.618.611	0
	Kinh phí chi phí Bồi hoàn giải toả		560.288.838	560.288.838	0
	Kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH		128.384.300	128.384.300	0
	Các khoản khác		116.010.939	116.010.939	0
II	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM		15.365.000.000	15.365.000.000	0
1	Kinh phí ngân sách cấp		15.365.000.000	15.365.000.000	0
1.1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	13	10.935.000.000	10.935.000.000	0
1.2	Cải cách tiền lương	14			0
1.3	Kinh phí không tự chủ		4.430.000.000	4.430.000.000	0
	Nguồn 12	12			
	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ		900.000.000	900.000.000	0
	Kinh phí hoạt động sự nghiệp		3.515.000.000	3.515.000.000	0
	Kinh phí ISO		15.000.000	15.000.000	0
	Kinh phí Công nghệ thông tin				0
	Kinh phí đào tạo				0
2	Các khoản khác				0
	Kinh phí thẩm tra quyết toán đầu tư XD CB				0
	Kinh phí chi phí Bồi hoàn giải toả				0
	Kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH				0
	Các khoản khác				0
III	KINH PHÍ BỔ SUNG TRONG NĂM		37.249.097.296	37.249.097.296	0
1	Kinh phí ngân sách cấp		32.929.491.233	32.929.491.233	0
1.1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	13	611.747.000	611.747.000	0
1.2	Cải cách tiền lương	14	-3.340.590	-3.340.590	0
1.3	Kinh phí không tự chủ		32.321.084.823	32.321.084.823	0
	Nguồn 12	12	30.600.577.884	30.600.577.884	0
	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ		186.177.884	186.177.884	0
	Kinh phí sự nghiệp		29.964.400.000	29.964.400.000	0
	Kinh phí Công nghệ thông tin		0	0	0
	Kinh phí đào tạo		450.000.000	450.000.000	0
	Kinh phí ISO		0	0	0
	Nguồn 15	15	1.720.506.939	1.720.506.939	0

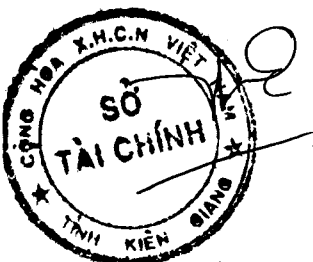
ST T	NỘI DUNG	MÃ NGUỒN	SỐ LIỆU ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5	6=5-4
	Kinh phí sự nghiệp		568.506.939	568.506.939	0
	Kinh phí đào tạo		1.152.000.000	1.152.000.000	0
2	Các khoản khác		4.319.606.063	4.319.606.063	0
	Kinh phí thẩm tra quyết toán đầu tư XD CB		4.220.483.581	4.220.483.581	0
	Kinh phí chi phí Bồi hoàn giải toả		4.935.134	4.935.134	0
	Kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH		94.187.348	94.187.348	0
	Các khoản khác		0	0	0
IV	TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM		69.972.203.987	69.972.203.987	0
1	Kinh phí ngân sách cấp		54.092.295.236	54.092.295.236	0
1.1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	13	11.554.056.369	11.554.056.369	0
1.2	Cải cách tiền lương (Hủy dự toán)	14	0	0	0
1.3	Kinh phí không tự chủ		42.538.238.867	42.538.238.867	0
	Nguồn 12	12	40.817.731.928	40.817.731.928	0
	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ		1.086.177.884	1.086.177.884	0
	Kinh phí sự nghiệp		33.479.400.000	33.479.400.000	0
	Kinh phí Công nghệ thông tin		5.787.154.044	5.787.154.044	0
	Kinh phí đào tạo		450.000.000	450.000.000	0
	Kinh phí ISO		15.000.000	15.000.000	0
	Nguồn 15	15	1.720.506.939	1.720.506.939	0
	Kinh phí sự nghiệp		568.506.939	568.506.939	0
	Kinh phí đào tạo		1.152.000.000	1.152.000.000	0
2	Các khoản khác		15.879.908.751	15.879.908.751	0
	Kinh phí Thẩm tra quyết toán đầu tư XD CB		14.976.102.192	14.976.102.192	0
	Kinh phí chi phí Bồi hoàn giải toả		565.223.972	565.223.972	0
	Kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH		222.571.648	222.571.648	0
	Các khoản khác		116.010.939	116.010.939	0
V	TỔNG CHI		41.513.261.142	41.513.261.142	0
1	Kinh phí ngân sách cấp		35.213.937.745	35.213.937.745	0
1.1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ		11.481.955.707	11.481.955.707	0
	Chi lương & các khoản theo lương	13	7.637.241.279	7.637.241.279	0
	Chi hoạt động	13	3.844.714.428	3.844.714.428	0
1.2	Cải cách tiền lương (Hủy dự toán)	14			0
1.3	Kinh phí không tự chủ	12	23.731.982.038	23.731.982.038	0
	Nguồn 12		22.882.832.038	22.882.832.038	0
	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ	12	1.022.981.945	1.022.981.945	0
	Kinh phí sự nghiệp	12	18.530.344.180	18.530.344.180	0
	Kinh phí Công nghệ thông tin	12	2.921.374.321	2.921.374.321	0
	Kinh phí đào tạo	12	396.000.000	396.000.000	0
	Kinh phí ISO	12	12.131.592	12.131.592	0
	Nguồn 15		849.150.000	849.150.000	0
	Kinh phí sự nghiệp	15			0
	Kinh phí đào tạo	15	849.150.000	849.150.000	0
2	Các khoản khác		6.299.323.397	6.299.323.397	0
	Thẩm tra quyết toán đầu tư XD CB		6.299.323.397	6.299.323.397	0
	Kinh phí chi phí Bồi hoàn giải toả		0	0	0
	Kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH		0		0
	Các khoản khác		0		0
VI	SỐ DƯ CUỐI KỲ		28.458.942.845	28.458.942.845	0
1	Kinh phí ngân sách cấp		18.878.357.491	18.878.357.491	0

ST T	NỘI DUNG	MÃ NGUỒN	SỐ LIỆU ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5	6=5-4
1.1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	13	72.100.662	72.100.662	0
1.2	Cải cách tiền lương	14			0
1.3	Kinh phí không tự chủ		18.806.256.829	18.806.256.829	0
	Nguồn 12	12	17.934.899.890	17.934.899.890	0
	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ		63.195.939	63.195.939	0
	Kinh phí sự nghiệp		14.949.055.820	14.949.055.820	0
	Kinh phí Dự án tin học		2.865.779.723	2.865.779.723	0
	Kinh phí đào tạo		54.000.000	54.000.000	0
	Kinh phí ISO		2.868.408	2.868.408	0
	Nguồn 15	15	871.356.939	871.356.939	0
	Kinh phí sự nghiệp		568.506.939	568.506.939	0
	Kinh phí đào tạo		302.850.000	302.850.000	0
2	Các khoản khác		9.580.585.354	9.580.585.354	0
	Kinh phí thẩm tra quyết toán		8.676.778.795	8.676.778.795	0
	Kinh phí chi phí Bồi hoàn giải toả		565.223.972	565.223.972	0
	Kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH		222.571.648	222.571.648	0
	Các khoản khác		116.010.939	116.010.939	0

VĂN PHÒNG SỞ TÀI CHÍNH

Chánh văn phòng

Kế toán



Nguyễn Thị Thủy Em

Thái Thị Thu Yến

TỔ KIỂM TRA

Lâm Thanh Nhã

SỞ TÀI CHÍNH KIÊN GIANG
TỔ KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2023

**BẢNG TỔNG HỢP THU NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN CỦA SỞ TÀI CHÍNH KIÊN GIANG
NĂM 2022 (Tính đến 30/9/2022)**

Phụ lục số: 02
Đơn vị tính: Đồng

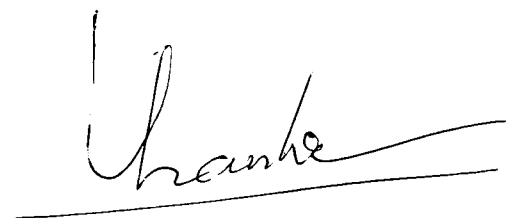
SỐ THỨ TỰ	NỘI DUNG	SỐ LIỆU ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5=4-3
1	Tổng số công chức và người lao động	77	77	0
2	Tổng số thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	11,193,916,792	11,193,916,792	0
3	Tổng số thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế	4,788,923,733	4,788,923,733	0
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân			0
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	227,182,094	227,182,094	0
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	227,182,094	227,182,094	0
7	Tổng số thuế thu nhập còn phải nộp	227,182,094	227,182,094	0

VĂN PHÒNG SỞ TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thủy Em

TỔ KIỂM TRA



Lâm Thanh Nhã